

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1437/2025/DS-ST
Ngày: 26-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Dương;
- Bà Phan Thị Xuân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quang Thị Thùy Ly - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Ngọc Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 578/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 651/2025/QĐXX-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 544/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức T, sinh năm 1984 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Lê Mộng P, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số C, Đường số A, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã C, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Đức T trình bày: Ngày 29/8/2022, bà Lê Mộng P ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng. Căn cứ thu nhập của bà P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng VS payWave Cre Classic với hạn mức sử dụng 20.000.000 đồng. Đến ngày 08/10/2022, bà P thực hiện đăng ký vay tiêu dùng trên ứng dụng S1 (viết tắt là S1) với số tiền giải ngân 20.000.000 đồng mục đích tiêu dùng cá nhân.

Đối với thẻ tín dụng V - 0476: Sau khi được cấp tín dụng, bà P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 8.330.977 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ đến nay, bà P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 5.120.954 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Sau thời gian sử dụng, bà P không có thiện chí trả nợ. Do bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng), ngày 10/5/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà P và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (dư nợ gốc) sang nợ quá hạn (Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Tính đến ngày 08/9/2024, thẻ tín dụng VS payWave Cre Classic 472074 - 0476 của Bà P còn nợ tổng số tiền 5.058.531 đồng (trong đó: Nợ quá hạn 3.434.618 đồng, lãi quá hạn 1.623.913 đồng). Lãi suất được áp dụng: Lãi suất trong hạn 1,87%/tháng, lãi suất quá hạn 2.8%/tháng (1,87% x 150%).

Đối với khoản vay tiêu dùng S1 giải ngân qua số tài khoản 3471850499: Từ ngày giải ngân số tiền 18.000.000 đồng đến nay, bà P đã thanh toán cho Ngân hàng 2.590.977 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 3 của bản điều khoản và điều kiện vay tiêu dùng trên ứng dụng S1), ngày 26/4/2023, Ngân hàng đã chấm dứt và chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn (Điều 5 của bản điều khoản và điều kiện phát hành vay tiêu dùng trên ứng dụng S1). Tính đến ngày 08/9/2024, khoản vay S1 3471850499 của bà P còn nợ tổng số tiền 24.059.871 đồng (trong đó: Nợ quá hạn 17.321.023 đồng, lãi quá hạn 6.738.848 đồng). Lãi suất được áp dụng: Lãi suất trong hạn 1,55%/tháng, lãi suất quá hạn 2,325%/tháng (1,55% x 150%).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà P có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà P vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản và điều kiện đã quy định tại hợp đồng. Tính đến ngày 08/9/2024, bà P còn nợ 29.118.402 đồng (trong đó: Đối với thẻ tín dụng VS payWave Cre Classic 472074 - 0476 nợ quá hạn 3.434.618 đồng, lãi quá hạn 1.623.913 đồng, tổng cộng 5.058.531 đồng; đối với khoản vay tiêu dùng S1 giải ngân qua số tài khoản 3471850499 nợ quá hạn 17.321.023 đồng, lãi quá hạn 6.738.848 đồng, tổng cộng 24.059.871 đồng). Ngân hàng yêu cầu bà P phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến

ngày 08/9/2024 là 29.118.402 đồng và khoản lãi phát sinh từ ngày 09/9/2024 đối với thẻ tín dụng VS payWave Cre Classic 472074 - 0476 và khoản vay S1 3471850499 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có bản tự khai đề nghị buộc bà Lê Mộng P phải trả ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tính đến ngày 26/9/2025 là 40.262.384 đồng, trong đó nợ gốc 20.755.641 đồng, lãi quá hạn 19.506.743 đồng và lãi phát sinh từ ngày 27/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn bà Lê Mộng P vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh: Quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng giữa Ngân hàng với bà P, đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã C, Thành phố Hồ Chí Minh), căn cứ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 26/5/2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Đức T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Lê Mộng P đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà P vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Xét Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu bà Lê Mộng P thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 26/9/2025 là 40.262.384 đồng, trong đó nợ gốc 20.755.641 đồng, lãi quá hạn 19.506.743 đồng và lãi phát sinh sau ngày 26/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét ngày 29/8/2022, bà P có ký hợp đồng tín dụng dưới hình thức giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S với hạn mức sử dụng chung 20.000.000 đồng, các đương sự cũng thỏa thuận lãi suất phát sinh. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 26.330.977 đồng (trong đó thẻ VS payWave Cre Classic 8.330.977 đồng, thẻ S1 18.000.000 đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, bà P đã thanh toán được cho Ngân hàng 7.711.931 đồng (trong đó thẻ VS payWave Cre Classic 5.120.954 đồng, thẻ S1 2.590.977 đồng). Việc bà P không thanh toán nợ làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Thương mại cổ phần S, vi phạm điều khoản về nghĩa vụ trả nợ của khách hàng quy định tại Điều 24 của điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã ký và vi phạm quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự về nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Luật Các tổ chức tín dụng thì: “Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng... thì áp dụng theo quy định của Luật này”, theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng thì: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”, do đó, đối với hợp đồng vay tài sản mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên quy định tại hợp đồng. Như vậy yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc, lãi quá hạn theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lê Mộng P phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều

của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 26/5/2025;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 94 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30 và Điều 31 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần S, buộc bà Lê Mộng P phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc 20.755.641 đồng, lãi quá hạn 19.506.743 đồng, tổng cộng 40.262.384đ (bốn mươi triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng). Trong đó thẻ tín dụng VS payWave Cre Classic 472074 - 0476 nợ gốc 3.434.618 đồng, lãi quá hạn 2.806.189 đồng; khoản vay S1 3471850499 nợ gốc 17.321.023 đồng, lãi quá hạn 16.700.554 đồng, thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 27/9/2025 cho đến khi thi hành án xong, bà Lê Mộng P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm 2.013.119đ (hai triệu không trăm mười ba nghìn một trăm mười chín đồng) bà Lê Mộng P phải chịu.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tiền tạm ứng án phí 727.960 (bảy trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi đồng) theo biên lai thu tiền số 0051476 ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 8 - Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thủy